

Số: 228 /TB-TTKN-CNKN

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO
V/v duy trì chứng nhận sản phẩm phù hợp QCVN

Kính gửi: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Mỹ

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản đã tiến hành đánh giá giám sát lần 2 đối với 08 sản phẩm hỗn hợp khoáng (premix khoáng), hỗn hợp vitamin (premix vitamin) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Mỹ. Hồ sơ đánh giá của Công ty đã được xem xét và chuẩn y việc duy trì chứng nhận cho 08 sản phẩm nêu trên và kết quả thử nghiệm của sản phẩm tại Phụ lục kèm theo Thông báo này:

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1	AQUA BAC	D4/6 đường Kênh A, Ấp 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	HQ.05.0.23.01303-1	QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT
2	TICTAC		HQ.05.0.23.01303-2	
3	TARGET ONE		HQ.05.0.23.01303-3	
4	TIGER BAC		HQ.05.0.23.01303-4	
5	CALCIMAX		HQ.05.0.23.01303-5	
6	MD 02		HQ.05.0.23.01303-6	
7	MD 15		HQ.05.0.23.01303-7	
8	BAC PRO		HQ.05.0.23.01303-8	

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản thông báo để Công ty biết. Chúc quý Công ty đạt nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay và trong thời gian tới.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT Tp Hồ Chí Minh;
- Giám đốc (b/c);
- Phòng QLĐV&KH;
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Yên

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

Sản phẩm xử lý môi trường (Hỗn hợp khoáng (Premix khoáng), hỗn hợp vitamin (Premix vitamin))

STT	Tên sản phẩm/ Nhóm sản phẩm	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
			Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp thử
1	AQUA BAC (HQ.05.0.23.01303-1)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	3,62	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,93	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
2	TICTAC (HQ.05.0.23.01303-2)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)		Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	3,27	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,88	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
3	TARGET ONE (HQ.05.0.23.01303-3)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)		Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	3,28	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,93	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
4	TIGER BAC (HQ.05.0.23.01303-4)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)		Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	4,03	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,95	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012



STT	Tên sản phẩm/ Nhóm sản phẩm	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
			Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp thử
5	CALCIMAX (HQ.05.0.23.01303-5)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	3,92	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,94	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
6	MD 02 (HQ.05.0.23.01303-6)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)		Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	3,49	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,90	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
7	MD 15 (HQ.05.0.23.01303-7)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)		Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	4,01	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,86	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
8	BAC PRO (HQ.05.0.23.01303-8)/ (Hỗn hợp khoáng (premix khoáng) xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản)		Asen (As)	mg/kg (LOQ=0,15)	3,63	TCVN 9588:2013
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,94	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012

Ghi chú: KPH - Không phát hiện